

**BIỂU T**

| STT              | Đơn vị   | Số lượng hồ sơ t |             |
|------------------|--|------------------|-------------|
|                  |  | Tổng số          | Trực tuyển  |
| (1)              | (2)  | (3)=(4)+(5)+(6)  | (4)         |
| 1                | LĨNH VỰC HỘ TỊCH   | 1926             | 1926        |
| 2                | LĨNH VỰC CHỨNG THỰC  | 6154             | 6154        |
| 3                | LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP ( HỘ KINH DOANH)                    | 434              | 430         |
| 4                | LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ | 2                | 2           |
| 5                | LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC  | 1                | 1           |
| 6                | LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG  | 17               | 17          |
| 7                | LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU  | 1                | 1           |
| 8                | LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI   | 83               | 75          |
| 9                | LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO  | 66               | 66          |
| 10               | LĨNH VỰC GIÁO DỤC  | 110              | 110         |
| 11               | LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI  | 222              | 222         |
| 12               | LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG   | 63               | 63          |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>9079</b>      | <b>9067</b> |

Ghi chú: kỳ báo cáo từ ngày 15/12/2025-14/06/2026

**HỒN KÊ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 19 /6/2026 của UBND xã )

Đơn vị tính

| Tiếp nhận                    |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |             |          |          |                           |
|------------------------------|-------------|------------------------------|-------------|----------|----------|---------------------------|
| ng kỳ                        | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn   | Đúng hạn | Quá hạn  | Từ chối, không giải quyết |
| Trực tiếp, dịch vụ bưu chính |             | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)   | (8)         | (9)      | (10)     | (11)                      |
| 0                            | 0           | 1924                         | 1918        | 0        | 0        | 1                         |
| 0                            | 0           | 6154                         | 6152        | 0        | 1        | 0                         |
| 1                            | 3           | 434                          | 423         | 0        | 0        | 11                        |
| 0                            | 0           | 2                            | 2           | 0        | 0        | 0                         |
| 0                            | 0           | 1                            | 1           | 0        | 0        | 0                         |
| 0                            | 0           | 16                           | 15          | 0        | 0        | 1                         |
| 0                            | 0           | 1                            | 1           | 0        | 0        | 0                         |
| 1                            | 7           | 74                           | 70          | 0        | 1        | 3                         |
| 0                            | 0           | 66                           | 66          | 0        | 0        | 0                         |
| 0                            | 0           | 110                          | 109         | 0        | 0        | 0                         |
| 0                            | 0           | 212                          | 210         | 0        | 0        | 2                         |
| 0                            | 0           | 58                           | 56          | 0        | 1        | 0                         |
| <b>2</b>                     | <b>10</b>   | <b>9052</b>                  | <b>9023</b> | <b>0</b> | <b>3</b> | <b>18</b>                 |

## H

*h: Số hồ sơ TTHC*

| Hồ sơ rút | Số lượng hồ sơ đang giải quyết |           |          |                 | Số hồ sơ từ chối tiếp nhận |
|-----------|--------------------------------|-----------|----------|-----------------|----------------------------|
|           | Tổng số                        | Trong hạn | Quá hạn  | Yêu cầu bổ sung |                            |
| (12)      | (13)=(14)+(15)<br>+(16)        | (14)      | (15)     | (16)            | (17)                       |
| 5         | 2                              | 2         | 0        | 0               | 0                          |
| 1         | 0                              | 0         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 0                              | 0         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 0                              | 0         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 0                              | 0         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 0                              | 0         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 1                              | 1         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 0                              | 0         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 9                              | 9         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 0                              | 0         | 0        | 0               | 0                          |
| 1         | 0                              | 0         | 0        | 0               | 0                          |
| 0         | 10                             | 10        | 0        | 0               | 0                          |
| 1         | 5                              | 5         | 0        | 0               | 0                          |
| <b>8</b>  | <b>27</b>                      | <b>27</b> | <b>0</b> | <b>0</b>        | <b>0</b>                   |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TỨ KỲ**

**BIỂU THÔNG KÊ HỒ SƠ TỪ CHỐI**  
*(Kèm theo Báo cáo số \_\_\_\_\_)*

| Stt | Mã hồ sơ             | Hồ sơ từ chối giải quyết, trả lại                            |                                     |
|-----|----------------------|--|-------------------------------------|
|     |                      | Tại bước tiếp nhận<br>(Trung tâm Phục vụ<br>hành chính công) | Tại các<br>bước giải<br>quyết hồ sơ |
| 1   | H24.201-260119-8522  |  |                                     |
| 2   | H24.201-251224-10318 |  |                                     |
| 3   | H24.201-251228-3086  |  |                                     |
| 4   | H24.201-260109-10540 |  |                                     |
| 5   | H24.201-260410-9290  |  |                                     |
| 6   | H24.201-260504-8908  |  |                                     |
| 7   | H24.201-260610-0974  | x  |                                     |
| 8   | H24.201-260216-4000  |  | X                                   |

|    |                     |  |   |
|----|---------------------|--|---|
| 9  | H24.201-260302-4004 |  | X |
| 10 | H24.201-260314-4000 |  | X |
| 11 | H24.201-260318-4002 |  | X |
| 12 | H24.201-260401-4004 |  | X |
| 13 | H24.201-260407-4006 |  | X |
| 14 | H24.201-260420-4000 |  | X |
| 15 | H24.201-260511-4006 |  | X |
| 16 | H24.201-260511-4009 |  | X |
| 17 | H24.201-260517-4000 |  | X |

|    |                       |   |   |
|----|-----------------------|---|---|
| 18 | H24.201-260608-4002   |   | X |
| 19 | H24.201-260122-10477  |   | x |
| 20 | H24.201-260304-10671  | x |   |
| 21 | H24.201-260507-3205   |   | x |
| 22 | H24.201-260223-170001 |   | x |
| 23 | H24.201-260122-030001 |   |   |
| 24 | H24.201-260522-180001 | x |   |
| 25 | H24.201-260531-180001 | x |   |
| 26 | H24.201-260401-090002 |   |   |

*Ghi chú: kỳ báo cáo từ ngày 15/12/2025-14/06/2026*

**], TRẢ LẠI, BỔ SUNG, XIN RÚT VÀ DỪNG XỬ LÝ**  
*(/BC- UBND ngày 19 /6/2026 của UBND xã )*

| Hồ sơ yêu cầu bổ sung                                  |                               | Hồ sơ xin rút, dừng xử lý | Ghi chú   |
|--|-------------------------------|---------------------------|---|
| Tại bước tiếp nhận (Trung tâm Phục vụ hành chính công) | Tại các bước giải quyết hồ sơ |                           |   |
|  |                               | x                         | Công dân tự rút không có lý do  |
|  |                               | x                         | Công dân tự rút không có lý do  |
|  |                               | x                         | Công dân tự rút không có lý do  |
|  |                               | x                         | Công dân tự rút không có lý do  |
|  |                               | x                         | Công dân tự rút không có lý do  |
|  |                               | x                         | Công dân tự rút không có lý do  |
|  |                               |                           | Từ chối do đối chiếu với quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật hộ tịch năm 2014 thì việc khai sinh cho trẻ chưa đủ điều kiện để khai sinh có cha là Vũ Văn Bình. Trường hợp người vợ sinh con hoặc có thai và sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm hôn nhân chấm dứt (do ly hôn, vợ/chồng chết, hoặc bị tuyên bố là đã chết), đứa trẻ vẫn được coi là do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân |
|  |                               |                           | Địa chỉ kinh doanh không nằm trên địa bàn quản lý   |

|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
|  |  |  | Không được cơ quan thuế chấp nhận do Trùng Số CCCD/Số định danh với Số CCCD/Số định danh của MST: 0801346881 (Số CCCD/Số định danh là CMT/CMT quân đội/HC/giấy thông hành, 0801346881 là tất cả các MST bị trùng);Trùng giấy tờ tùy thân nhưng sai thông tin cá nhân; |
|  |  |  | Địa chỉ kinh doanh không nằm trên địa bàn quản lý   |
|  |  |  | Không được cơ quan thuế chấp nhận do Trùng giấy tờ tùy thân nhưng sai thông tin cá nhân;  |
|  |  |  | Không được cơ quan thuế chấp nhận do trùng Số CCCD/Số định danh với Số CCCD/Số định danh của MST: 0800559728 (Số CCCD/Số định danh là CMT/CMT quân đội/HC/giấy thông hành, 0800559728 là tất cả các MST bị trùng);  |
|  |  |  | Không được cơ quan thuế chấp nhận do Trùng giấy tờ tùy thân nhưng sai thông tin cá nhân;  |
|  |  |  | Từ chối vì đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, cần thành lập doanh nghiệp  |
|  |  |  | Nộp sai địa chỉ cơ quan tiếp nhận hồ sơ   |
|  |  |  | Người nộp hồ sơ chưa được chủ hộ kinh doanh ủy quyền nộp hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh  |
|  |  |  | Thông tin của chủ hộ kinh doanh chưa đúng với cơ sở dữ liệu dân cư  |

|  |  |   |   |
|--|--|---|---|
|  |  |   | Không được cơ quan thuế chấp nhận do Trùng giấy tờ tùy thân nhưng sai thông tin cá nhân;  |
|  |  |   | Công dân không bổ sung hồ sơ theo thời gian quy định  |
|  |  |   | Do cán bộ tiếp nhận trong quá trình thao tác kiểm tra thành phần hồ sơ của thủ tục đã thao tác nhằm thành tiếp nhận trực tiếp.                            |
|  |  |   | Công dân không bổ sung hồ sơ theo thời gian quy định  |
|  |  |   | Không đủ điều kiện cấp phép xây dựng  |
|  |  | x | Do nhân viên hỗ trợ của phòng chuyên môn thao tác test thử hệ thống.  |
|  |  |   | Do CCCD và giấy XNKT không trùng khớp Họ  |
|  |  |   | Do hs công dân nộp đơn đề nghị chưa khai đầy đủ thông tin, chưa có chữ ký người đề nghị.<br>Căn cứ Nghị định 176/2025/NĐ-CP người đề nghị chưa đủ 75 tuổi |
|  |  | x | Do công dân nộp nhầm thủ tục  |





|